

Số: 2656 / SYT-NV

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2020

V/v báo cáo tổng kết 10 năm  
triển khai thực hiện Quyết định  
2166/QĐ-TTg của Thủ tướng  
Chính phủ.

Kính gửi:

- Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc;
- Giám đốc Bệnh viện đa khoa Cao su Đồng Nai;
- Giám đốc các Trung tâm Y tế huyện, thành phố.
- Giám đốc các cơ sở Khám, Chữa bệnh tư nhân.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Tỉnh tại Công văn số 4515/UBND-KGVX ngày 21/4/2020 về việc triển khai thực hiện Công văn số 2184/BYT-YDCT ngày 17/4/2020 của Bộ Y tế về việc tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 2166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Quyết định 2166/QĐ-TTg ngày 30/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch của Chính phủ về phát triển nền y, được cổ truyền Việt Nam đến năm 2020.

Căn cứ Công văn số 2148/BYT-YDCT ngày 17/4/2020 của Bộ Y tế về việc tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 2166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Kế hoạch số 6443/KH-UBND ngày 13/8/2015 của UBND Tỉnh về phát triển y, được cổ truyền trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Giám đốc Sở Y tế yêu cầu Giám đốc các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được sau 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ và gửi báo cáo tổng kết theo mẫu đính kèm về Sở Y tế; đồng thời gửi file mềm theo địa chỉ Email: [huongtndn112@gmail.com](mailto:huongtndn112@gmail.com).

2. Đề xuất các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quyết định 2166/QĐ-TTg (2011-2020) và gửi danh sách về Sở Y tế xem xét trình UBND Tỉnh khen thưởng.

3. Báo cáo và bảng tổng hợp số liệu gửi về Sở Y tế theo 2 đợt:

+ Đợt 1: Báo cáo tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Quyết định 2166/QĐ-TTg và bảng tổng hợp số liệu năm 2011; 2015 và năm 2020 (từ tháng 8/2019 đến hết tháng 5/2020) gửi về Sở Y tế trước ngày 20/6/2020.

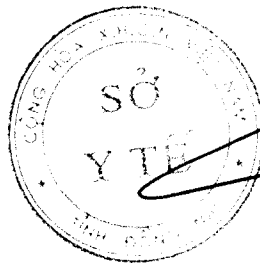
+ Đợt 2: Gửi bổ sung về Sở Y tế số liệu các tháng 6,7,8/2020 trước ngày 05/9/2020.

Đề nghị Giám đốc các đơn vị triển khai thực hiện đúng qui định và thời gian để Sở Y tế tổng hợp trình Ủy ban Tỉnh đúng thời gian qui định. / *scribble*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.  
Hương

**GIÁM ĐỐC**



**Phan Huy Anh Vũ**

**Mẫu báo cáo**  
**Thực hiện Quyết định 2166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

SỞ Y TẾ  
ĐƠN VỊ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Quyết định 2166/QĐ-TTg ngày  
31/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ**

**Phần 1. Kết quả đạt được**

Tóm tắt tình hình chung của địa phương, đơn vị (Kinh tế, Chính trị, xã hội...) và tình hình công tác phát triển y, dược cổ truyền tại địa phương, đơn vị.

.....

**1. Công tác hoàn thiện thể chế, quản lý, chỉ đạo điều hành**

1.1. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách:

.....

1.2. Công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo điều hành:

Trong 10 năm, đơn vị đã tổ chức thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Quyết định 2166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển y dược cổ truyền đến năm 2020 (*Văn bản đã ban hành*).

.....

1.3. Hệ thống tổ chức, quản lý Nhà nước về y, dược cổ truyền:

.....

1.4. Công tác xây dựng kế hoạch phát triển y, dược cổ truyền tại đơn vị:

Đơn vị đã ban hành được Kế hoạch phát triển y, dược cổ truyền của đơn vị? (*Số văn bản ban hành*). Nếu chưa ban hành cần nêu rõ lý do.

.....

**2. Công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền**

2.1. Hệ thống khám, chữa bệnh bằng y dược cổ truyền:

**Công lập**

- Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa khu vực, Trung tâm Y tế có khoa Y học cổ truyền (YHCT)/ Tổ YHCT (*so sánh với năm*

2011)? Tổng số phòng khám chữa bệnh bằng YHCT/ tổng số phòng khám của đơn vị? Phụ lục 1 (đính kèm)

- Phòng khám đa khoa có số phòng khám chữa bệnh bằng YHCT/ tổng số phòng khám? (so sánh với năm 2011). Phụ lục 1 (đính kèm).

- Tổng số Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có cán bộ YHCT trong biên chế của trạm/ số lượng cán bộ hợp đồng về YHCT; Lương y đang tham gia công tác khám, chữa bệnh tại trạm y tế theo hướng dẫn tại công văn số 97 (so sánh với năm 2011). Phụ lục 2a (đính kèm)

- Tổng số Trạm Y tế xã có hoạt động khám chữa bệnh bằng YHCT (so sánh với năm 2011). Phụ lục 2b (đính kèm)

### **Ngoài công lập**

- Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân có khoa YHCT/tổ YHCT? (so sánh với năm 2011). Tổng số phòng khám chữa bệnh bằng YHCT/ tổng số phòng khám của đơn vị? Phụ lục 1 (đính kèm).

- Phòng khám đa khoa có số phòng khám chữa bệnh bằng YHCT/ tổng số phòng khám? (so sánh với năm 2011). Phụ lục 1 (đính kèm).

2.2. Thực hiện chỉ tiêu khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT: Phụ lục 3 (đính kèm); (so sánh với năm 2011).

- Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với Y học hiện đại (YHHĐ) trên tổng số khám chữa bệnh chung tại đơn vị tuyến tỉnh chiếm ....% (trong đó điều trị ngoại trú chiếm....%, điều trị nội trú và nội trú ban ngày chiếm ...%).

- Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với YHHĐ trên tổng số khám chữa bệnh chung tại đơn vị tuyến huyện là ....% (trong đó điều trị ngoại trú chiếm....%, điều trị nội trú và nội trú ban ngày chiếm ...%).

- Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với YHHĐ trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến xã là ....% (trong đó điều trị ngoại trú chiếm....%, điều trị nội trú và nội trú ban ngày chiếm ...%).

**3. Nhân lực y, dược cổ truyền:** Tuyến tỉnh chiếm ....%; tuyến huyện chiếm ....%; tuyến xã chiếm .....% ? Phụ lục 4 (đính kèm) (so sánh với năm 2011).

### **4. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực:**

4.1. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của đơn vị:....

4.2. Một số bất cập trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y dược cổ truyền?....

**5. Công tác nghiên cứu khoa học:** Thống kê đề tài qua các năm từ 2011 đến 2020. Phụ lục 5 (đính kèm).

## 6. Công tác phát triển, chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu:

### 6.1. Về công tác quản lý chất lượng dược liệu:

Công tác phát triển dược liệu trong nước: đã ban hành kế hoạch phát triển dược liệu trong nước (báo cáo cụ thể). Dự án phát triển dược liệu tại địa phương, phụ lục 6 (đính kèm).

Danh mục các loài dược liệu tại địa phương có tiềm năng khai thác phát triển. Phụ lục 7 (đính kèm).

(\*) Nêu rõ vùng nuôi trồng, thu hái dược liệu là nguồn cung cấp chính cho cơ sở (huyện, xã)

### 6.2. Công tác chế biến dược liệu, vị thuốc cổ truyền trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Tình hình chung về quản lý chất lượng: .....

- Số mẫu dược kiểm tra đánh giá chất lượng: .....

- Số mẫu vi phạm chất lượng: .....

### 6.3. Công tác chế biến, bào chế dược liệu, thuốc cổ truyền trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Phụ lục 8 (đính kèm)

- Đơn vị có chế biến, bào chế dược liệu, vị thuốc? ... Tên của dược liệu, vị thuốc do đơn vị tự chế biến....

- Số lượng dược liệu chế biến: .....

- Sản lượng chế biến trung bình/năm: .....

- Tên, số lượng thuốc cổ truyền thành phẩm do cơ sở khám chữa bệnh tự bào chế: .....

- Sản lượng thuốc cổ truyền thành phẩm do cơ sở khám chữa bệnh tự bào chế: .....

### 6.4. Công tác đấu thầu, sử dụng dược liệu, thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Phụ lục 9 (đính kèm)

- Phương thức đấu thầu dược liệu, vị thuốc cổ truyền tại tỉnh

Tập trung

Không tập trung

- Tổng kinh phí gói thầu dược liệu:

+ Số lượng dược liệu: ví dụ 200 loại

+ Tổng khối lượng dược liệu: ví dụ 150 tấn.

- Tổng kinh phí gói thầu vị thuốc cổ truyền:

+ Số lượng vị thuốc: vd 200 loại

+ Tổng khối lượng vị thuốc: vd 150 tấn.

- Tổng kinh phí gói thầu thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu: vd 50 tỷ

+ Tổng số loại thuốc thành phẩm: vd 100 loại

**7. Công tác kiểm tra: .....**

**8. Công tác xã hội hóa:** Đơn vị có thực hiện công tác xã hội hóa YDCT không? Các hình thức xã hội hóa đã triển khai tại đơn vị?. Phụ lục 10(*đính kèm*).

**9. Tin học hóa và ứng dụng công nghệ thông tin:**

.....

**10. Kinh phí đầu tư cho phát triển YDCT:** Thống kê nguồn kinh phí đầu tư hàng năm (từ năm 2011 đến năm 2020) cho công tác phát triển YDCT (kinh phí đầu tư cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đầu tư đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động khác...)

**11. Công tác hợp tác quốc tế: .....**

**Phần II. Đánh giá chung kết quả thực hiện**

**1. Đánh giá kết quả nổi bật đã đạt được .....**

**2. Những chỉ tiêu chưa hoàn thành? .....**

- Thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện

- Khó khăn

- Phân tích nguyên nhân

**Phần III. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, một số chỉ tiêu cần đạt và giải pháp đến năm 2030**

**1. Mục tiêu chung: .....**

**2. Một số nhiệm vụ trọng tâm? .....**

**3. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025 và 2030? .....**

**4. Giải pháp**

4.1. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý và mạng lưới khám, chữa bệnh bằng y dược cổ truyền.....

4.2. Phát triển nguồn nhân lực: .....

4.3. Đổi mới cơ chế, chính sách y dược cổ truyền: .....

4.4. Phát triển dược liệu, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu .....

4.5. Đầu tư ngân sách cho lĩnh vực y, dược cổ truyền .....

4.6. Tăng cường công tác Hợp tác quốc tế...

Và các giải pháp khác nếu có

**Phần IV. Kiến nghị****1. Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ: .....****2. Bộ y tế: .....****3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam.....***Nơi nhận:***GIÁM ĐỐC***Ghi chú:*

- Các số liệu trong báo cáo được chiết xuất từ bảng thống kê số liệu theo Quyết định số 4822/QĐ-BYT; thống kê số liệu năm 2011; 2015 và năm 2020 (số liệu tính từ tháng 8/2019 đến tháng 8/2020).

- Sau khi hoàn thành báo cáo và bảng tổng hợp số liệu xin gửi về Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ); đồng thời gửi file mềm báo cáo và bảng tổng hợp số liệu theo địa chỉ Email: [huongtndn112@gmail.com](mailto:huongtndn112@gmail.com).

- Báo cáo và bảng tổng hợp số liệu gửi thành 2 đợt:

+ Đợt 1: Gửi báo cáo và bảng tổng hợp số liệu năm 2011; 2015 và năm 2020 (từ tháng 8/2019 đến hết tháng 5/2020);

+ Đợt 2: Gửi bổ sung bảng số liệu các tháng 6,7,8/2020.

**PHỤ LỤC 1**  
**HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH Y DƯỢC CỔ TRUYỀN**

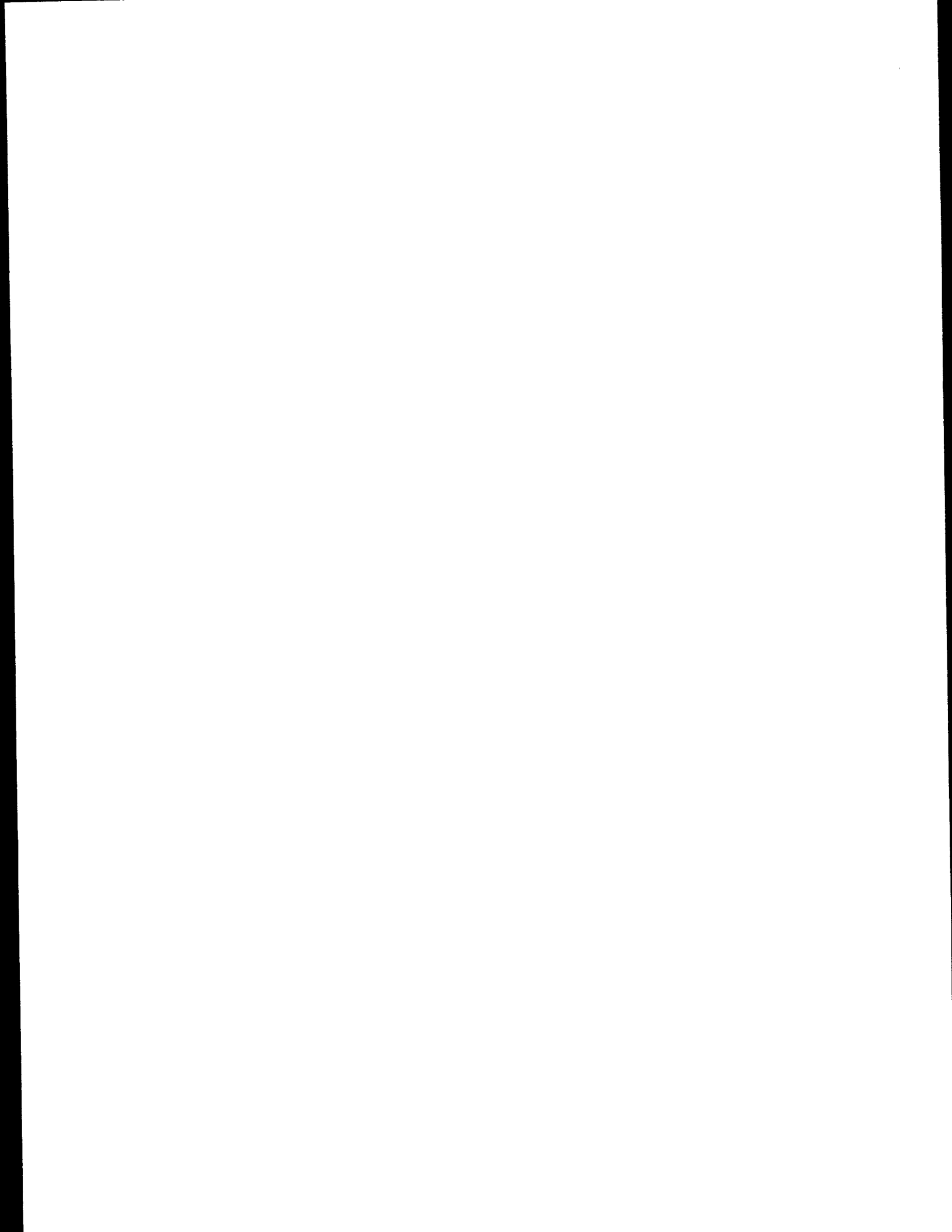
**1. Hệ thống Bệnh viện Y Dược Cổ truyền**

| STT | Bệnh viện Y Dược Cổ truyền |                                       |                                     |                |                    |                   |
|-----|----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------|-------------------|
|     | Tên Bệnh viện              | Diện tích bệnh viện (m <sup>2</sup> ) |                                     | Hạng bệnh viện | Số giường kế hoạch | Số giường thực kê |
|     |                            | Diện tích chung (m <sup>2</sup> )     | Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> ) |                |                    |                   |
| (1) | (2)                        | (3)                                   | (4)                                 | (5)            | (6)                | (7)               |
|     | Năm 2011                   |                                       |                                     |                |                    |                   |
|     | Năm 2015                   |                                       |                                     |                |                    |                   |
|     | Năm 2020                   |                                       |                                     |                |                    |                   |

**2. Hệ thống khoa/tổ YHCT trong cơ sở khám, chữa bệnh Y học hiện đại**

| STT | Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, khu vực, huyện, Bệnh viện tư nhân, Phòng khám đa khoa |           |         |                |                     |                |               |                    |
|-----|---|-----------|---------|----------------|---------------------|----------------|---------------|--------------------|
|     | Tên đơn vị  | Khoa YHCT | Tổ YHCT | Hạng bệnh viện | Số giường bệnh viện | Số giường YHCT | Số phòng khám | Số phòng khám YHCT |
| (1) | (2)   | (3)       | (4)     | (5)            | (6)                 | (7)            |               |                    |
|     | Năm 2011  |           |         |                |                     |                |               |                    |
|     | Năm 2015  |           |         |                |                     |                |               |                    |
|     | Năm 2020  |           |         |                |                     |                |               |                    |





**PHỤ LỤC 2a**  
**SỐ CÁN BỘ YHCT TẠI TRẠM Y TẾ**

| STT | Tên Trạm y tế  | Tổng số cán bộ YHCT |          | Lương y | Có chứng chỉ hành nghề | Chưa có chứng chỉ hành nghề | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------|----------|---------|------------------------|-----------------------------|---------|
|     |                | Biên chế            | Hợp đồng |         |                        |                             |         |
| 1   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 2   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 3   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 4   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 5   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 6   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 7   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 8   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| 9   |                |                     |          |         |                        |                             |         |
| ... |                |                     |          |         |                        |                             |         |
|     | <b>Tổng số</b> |                     |          |         |                        |                             |         |

**PHỤ LỤC 2b**  
**Y TẾ CƠ SỞ**

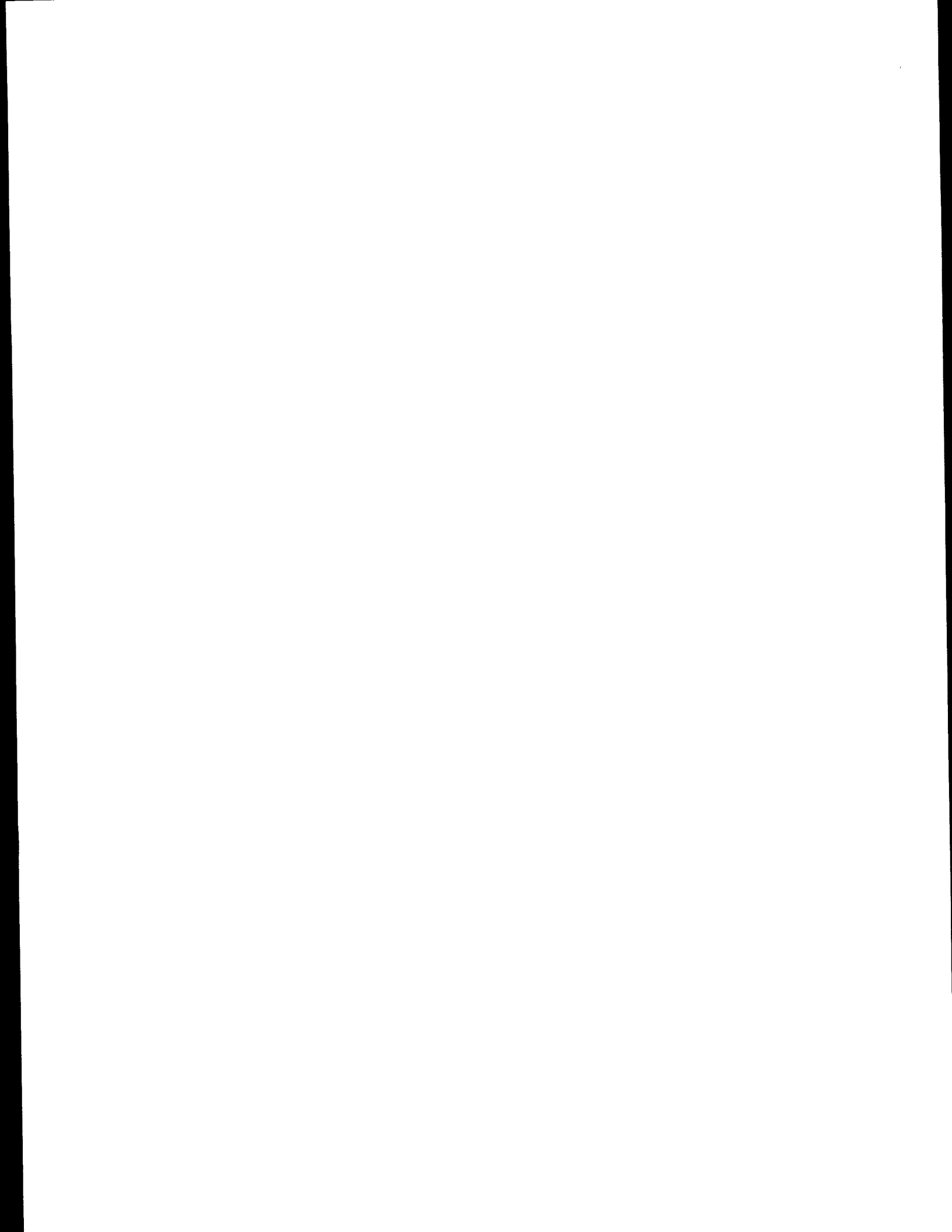
| STT | Tên đơn vị | Trong đó             |                         |                                 |  |                                |  |  |  |                             |  |
|-----|------------|----------------------|-------------------------|---------------------------------|--|--------------------------------|--|--|--|-----------------------------|--|
|     |            | Tổng số trạm y tế xã | Số xã có vườn thuốc mẫu | Số xã triển khai BHYT trong KCB | Số trạm y tế có triển khai KCB bằng YHCT |                                | Số xã triển khai điều trị bằng thuốc thành phẩm YHCT | Số xã triển khai điều trị bằng thuốc Thang | Số xã triển khai điều trị không dùng thuốc | Số xã đạt tiên tiến về YHCT |  |
|     |            |                      |                         |                                 | Tổng số                                  | Số xã được quỹ BHYT thanh toán |  |  |  |                             |  |
| (1) | (2)        | (3)                  | (4)                     | (5)                             | (6)                                      | (7)                            | (8)  | (9)  | (10)                                       | (11)                        |  |
| 1   | Năm 2011   |                      |                         |                                 |  |                                |  |  |  |                             |  |
| 2   | Năm 2015   |                      |                         |                                 |  |                                |  |  |  |                             |  |
| 3   | Năm 2020   |                      |                         |                                 |  |                                |  |  |  |                             |  |

**Ghi chú:** Biểu mẫu sử dụng ghi chép các thông tin về tiêu chí đánh giá công tác y dược cổ truyền tại tuyến xã, phường, thị trấn (các trạm y tế xã, phường, thị trấn gọi chung là xã).

.- Cột (9): Triển khai sử dụng thuốc thang trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT (Thuốc bắc, thuốc nam).

.- Cột (10): Triển khai điều trị không dùng thuốc trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt...)









**PHỤ LỤC 5**  
**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

| Đơn vị | Trong đó        |            |          |                 |            |          |                    |            |          |                 |            |          |
|--------|-----------------|------------|----------|-----------------|------------|----------|--------------------|------------|----------|-----------------|------------|----------|
|        | Cấp Nhà nước    |            |          | Cấp bộ          |            |          | Cấp tỉnh/thành phố |            |          | Cấp cơ sở       |            |          |
|        | Đang triển khai | Nghiệm thu | Ứng dụng | Đang triển khai | Nghiệm thu | Ứng dụng | Đang triển khai    | Nghiệm thu | Ứng dụng | Đang triển khai | Nghiệm thu | Ứng dụng |
| (1)    | (2)             | (3)        | (4)      | (5)             | (6)        | (7)      | (8)                | (9)        | (10)     | (11)            | (12)       | (13)     |
|        |                 |            |          |                 |            |          |                    |            |          |                 |            |          |

**Ghi chú:**

- Thống kê đề tài nghiên cứu khoa học về YDCT từ năm 2011 đến 2020.
- Cột 1: Tên đơn vị báo cáo
- Cột 2, 5, 8, 11: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp đang triển khai thực hiện tính đến ngày 31/12 tại đơn vị về lĩnh vực y, dược cổ truyền.
- Cột 3, 6, 9, 12: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp đã nghiệm thu trong năm tính đến 31/12 tại đơn vị về lĩnh vực y, dược cổ truyền.
- Cột 4, 7, 10, 13: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp được đưa vào ứng dụng trong năm tính đến 31/12 tại đơn vị về lĩnh vực y, dược cổ truyền.



**PHỤ LỤC 6**  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN DƯỢC LIỆU TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

| STT  | Tên đề án/ dự án | Số lượng các loài dược liệu | Địa điểm thực hiện | Đơn vị thực hiện | Tổng số vốn đầu tư (triệu đồng) |            |
|------|------------------|-----------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------|------------|
|      |                  |                             |                    |                  | Ngân sách nhà nước              | Nguồn khác |
| (1)  | (2)              | (3)                         | (4)                | (5)              | (6)                             | (7)        |
|      |                  |                             |                    |                  |                                 |            |
|      |                  |                             |                    |                  |                                 |            |
|      |                  |                             |                    |                  |                                 |            |
| .... |                  |                             |                    |                  |                                 |            |

**PHỤ LỤC 7**  
**DANH MỤC CÁC LOÀI DƯỢC LIỆU TẠI ĐỊA PHƯƠNG CÓ TIỀM NĂNG**  
**KHAI THÁC PHÁT TRIỂN**

| STT          | Tên dược liệu | Tên khoa học            | Bộ phận dùng | Diện tích (ha) | Sản lượng dự kiến | Địa điểm nguồn cung cấp (*) |                             |
|--------------|---------------|-------------------------|--------------|----------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|              |               |                         |              |                |                   | Nuôi trồng                  | Thu hái                     |
| <i>Ví dụ</i> | Bạch chỉ      | Radix Angelicadahuricae | rễ           | ..             | ..                |                             | xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn |
|              |               |                         |              |                |                   |                             |                             |
|              |               |                         |              |                |                   |                             |                             |
|              |               |                         |              |                |                   |                             |                             |
|              |               |                         |              |                |                   |                             |                             |

(\*) *Nêu rõ vùng nuôi trồng, thu hái dược liệu là nguồn cung cấp chính cho cơ sở (huyện, xã)*



**PHỤ LỤC 9**  
**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DƯỢC LIỆU, VỊ THUỐC YHCT**

| STT | Nội dung  | Đơn vị  | Số lượng |
|-----|---|---------|----------|
| (1) | (2)   | (3)     | (4)      |
| 1   | <b>Tổng số tiền mua thuốc</b>                                 | 1.000 đ |          |
|     | Chế phẩm  | 1.000 đ |          |
|     | Dược liệu   | 1.000 đ |          |
|     | Vị thuốc y học cổ truyền                                      | 1.000 đ |          |
| 2   | <b>Tổng số kg dược liệu trong năm</b>                         | kg      |          |
|     | Thuốc trong nước  | kg      |          |
|     | Thuốc nhập khẩu   | kg      |          |
| 3   | <b>Tổng số kg thuốc y học cổ truyền trong năm</b>             | kg      |          |
|     | Thuốc trong nước  | kg      |          |
|     | Thuốc nhập khẩu   | kg      |          |
| 4   | Số lượng chế phẩm YHCT sản xuất tại các cơ sở khám, chữa bệnh |         |          |

**PHỤ LỤC 10**  
**CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA**

| STT | Kết quả công tác xã hội hóa trong lĩnh vực YDCT        | Số lượng |
|-----|--|----------|
| (1) | (2)  | (3)      |
| 1   | Đơn vị YDCT có triển khai xã hội hóa                   |          |
| 2   | <i>Trong đó</i> : Liên doanh, liên kết khám, chữa bệnh |          |
|     | Đặt máy  |          |
|     | Góp vốn  |          |
|     | Khác   |          |

*Ghi chú: Chỉ tính trong khối cơ sở khám, chữa bệnh công lập*